

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày 14/10/2019.

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Phước Nghĩa

2/ Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Thu D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Chị D có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh K.

(Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu D trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị Lâm Thị Thu D và anh Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám

cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T và được cấp giấy chứng nhận kết vào ngày 23/3/2009. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc cho đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là về vấn đề tình cảm vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị D đã bỏ về nhà mẹ sinh sống và cũng từ đó anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- *Về con chung*: Chị D trình bày chị và anh Đ có 02 người con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 29/9/2009 và Trần Thị Yên Nh, sinh ngày 16/9/2014.

Chị D đồng ý giao cháu Trần Quốc V và Trần Thị Yên Nh cho anh Được được tiếp tục nuôi dưỡng (vì hiện nay cả 02 người con chung đang do anh Đ nuôi dưỡng).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị D khai rằng vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân*: Anh Đ và chị D tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, được cấp giấy chứng nhận kết vào năm 2009. Quá trình chung sống với nhau anh chị sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 không biết lý do gì mà chị D bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và sau đó chị D bỏ đi làm ở Bình Dương. Cũng từ đó anh Đ và chị D bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay cũng được gần 02 năm. Nay chị D xin ly hôn với anh Đ thì anh Đ cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 29/9/2009 và Trần Thị Yên Nh, sinh ngày 16/9/2014. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đ thống nhất anh và chị D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Thu D với anh Trần Văn Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D, đồng ý giao cháu Trần Quốc V và Trần Thị Yên Nh cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng

đến tuổi trưởng thành, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Lâm Thị Thu D thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lâm Thị Thu D và anh Trần Văn Đ đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2009. Chị D và anh Được đều thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thổ Sơn, được cấp giấy chứng nhận kết vào ngày 23/3/2009 đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, theo chị D trình bày trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào khoảng năm 2017 chị D bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và sau đó, chị D đi làm ở tỉnh Bình Dương nên hai người cũng bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay đã gần 02 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh Được không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Thu D và anh Trần Văn Đ.

- *Về con chung:* Chị D và anh Đ đều thống nhất trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 29/9/2009 và Trần Thị Yến Nh, sinh ngày 16/9/2014.

Xét yêu cầu của anh Đ; anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Quốc V và Trần Thị Yến Nh vì hiện nay cả 02 người con chung đang do anh Đ nuôi dưỡng thì được chị D đồng ý. Đồng thời theo bản tự khai đề ngày 09/9/2019 của cháu Trần Quốc V thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu Vỹ có nguyện vọng được ở cùng

với cha là anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là sự tự nguyện của các đương sự và là nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh Đ đều xác nhận là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Lâm Thị Thu D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Thu D với anh Trần Văn Đ.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Trần Quốc V và Trần Thị Yến Nh cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ không yêu cầu nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh Đ nuôi con, chị D được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cấm cản.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị Thu D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà

chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0005477, ngày 03/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị D không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Lâm Thị Thu D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Diệp